

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 /UBND-NN

Tuy Phước, ngày 14 tháng 01 năm 2013

V/v rà soát, chỉnh lý Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng huyện Tuy Phước đến năm 2020 theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại công văn số 4996/UBND-KTN ngày 20/12/2012.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

Thực hiện Công văn số 4996/UBND-KTN ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh về việc rà soát, chỉnh lý quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020 của thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước. UBND huyện Tuy Phước đã chỉ đạo các đơn vị chức năng liên quan rà soát, chỉnh lý Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020 của huyện;

Xét đề nghị của Hạt kiểm lâm liên huyện Tuy Phước- TP Quy Nhơn tại văn bản số: 01A/HKL-BVR ngày 10/01/2013, về việc rà soát, chỉnh lý Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020 của huyện Tuy Phước. UBND huyện Tuy Phước kính đề nghị UBND tỉnh phê duyệt các nội dung đã điều chỉnh như sau:

(Kèm theo Báo cáo Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng huyện Tuy Phước giai đoạn 2012-2020 do Trung tâm Quy hoạch nông nghiệp nông thôn Bình Định lập).

1. Về khối lượng:

Thứ tự	Hạng mục	Ban đầu	Điều chỉnh
1	Bảo vệ rừng	22.199,84 lượt ha	4.615,14 lượt ha
	Rừng phòng hộ	5.228,94 lượt ha	4.615,14 lượt ha
	Rừng sản xuất	16970,90 lượt ha	0
2	Phát triển rừng		
2.1	Trồng mới rừng	750,53 ha	750,53 ha
	Trồng rừng phòng hộ	439,30 ha	439,30 ha
	Trồng rừng sản xuất	311,23 ha	311,23 ha
2.2	Trồng thay thế (rừng phòng hộ)	91,63 ha	91,63 ha
2.3	Trồng lại sau khai thác (sản xuất)	3.358,81 lượt ha	2.800,61 lượt ha
3	Trồng cây phân tán	2,25 triệu cây	2,25 triệu cây
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng LN		
4.1	Bảng tin tuyên truyền	11 bảng	10 bảng
4.2	Làm đường lâm nghiệp	6,36 km	6,36km
4.3	Xây dựng chòi canh lửa	4 chòi	3 chòi
4.4	Làm đường ranh cản lửa	635,40 lượt km	547,2 lượt ha

2. Về vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Thứ tự	Hạng mục	Ban đầu	Điều chỉnh
Tổng vốn		193.677.529	166.536.637
1	Bảo vệ rừng	4.439.968	923.028
	Rừng phòng hộ	1.045.788	923.028
	Rừng sản xuất	3.394.180	0
2	Phát triển rừng	179.223.731	156.075.538
2.1	Trồng mới rừng	34.468.717	34.468.717
	Trồng rừng phòng hộ	21.562.210	21.562.210
	Trồng rừng sản xuất	12.906.507	12.906.507
2.2	Trồng thay thế (rừng phòng hộ)	5.467.336	5.467.336
2.3	Trồng lại sau khai thác (sản xuất)	139.287.678	116.139.485
3	Trồng cây phân tán	5.062.500	5.062.500
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng LN	3.588.785	3.113.026
4.1	Bảng tin tuyên truyền	110.000	100.000
4.2	Làm đường lâm nghiệp	203.520	203.520
4.3	Xây dựng chòi canh lửa	100.000	75.000
4.4	Làm đường ranh cản lửa	3.175.265	2.734.506
5	Hoạt động khác	1.362.545	1.362.545

3. Phân theo nguồn vốn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Hạng mục	Tổng vốn	Phân theo nguồn vốn					
			Vốn ngân sách				Vốn vay	Vốn chủ rừng
			Cộng	Trung ương	Tỉnh	Huyện		
	Tổng	166.536.637	41.974.863	7.963.950	19.065.596	14.945.317	61.022.176	63.539.598
1	Bảo vệ rừng	923.028	923.028			923.028		
2	Phát triển rừng	161.138.038	36.576.264	7.963.950	19.065.596	9.546.718	61.022.176	63.539.598
4	Xây dựng CSHT	3.113.026	3.113.026			3.113.026		
5	Hoạt động khác	1.362.545	1.362.545			1.362.545		

Trên đây là các nội dung đã điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020 của huyện Tuy Phước, các nội dung khác theo Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 19/9/2012 của UBND huyện Tuy Phước. Kính trình UBND tỉnh Bình Định xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở NN&PTNT Bình Định (thẩm định);
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Trị);
- Lưu: VT, K2.

[Signature]

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

[Signature]

Huỳnh Đức Trị